

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2025
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Hồng Cúc;

2. Bà Phan Thị Hải Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*yêu cầu vắng mặt*).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Bà và ông Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà riêng ở thôn C, xã N. Vợ chồng sống hạnh phúc từ năm 2006 đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn, ông Đ không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau không thể giải quyết được và đã tự sống ly thân nhau từ tháng 4/2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc để hàn gắn.

Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ1 - sinh ngày 24/12/2006 hiện nay đã trên 18 đã tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Toà án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến gì phản hồi liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai, chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa vợ chồng bà A, ông Đ không còn khả năng hàn gắn nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn bị đơn là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ có địa chỉ cư trú tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Việc vắng mặt của đương sự:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3]. Quan hệ pháp luật: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến yêu cầu ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn”.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 05/06/2004 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Thành Đ, đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà A và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông Đ không đến Tòa, không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà A là tự tước bỏ quyền phản bác của mình được quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; do đó, căn cứ lời khai của bà A và các chứng cứ trong hồ sơ, xác định: Vợ chồng bà A, ông Đ thường xuyên xảy ra cãi vã; ông Đ không có trách nhiệm với vợ con làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn; điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của đương sự và giấy khai sinh số: 12/2007 của UBND xã N, huyện T xác định vợ chồng bà A và ông Đ chung sống có 01 người con chung tên là Nguyễn Thành Đ1 - sinh ngày 24/12/2006 hiện nay đã trưởng thành nên bà A không yêu cầu giải quyết là phù hợp, không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Nguyễn Thị Ngọc A chịu 300.000,đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A chịu 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004778 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Nhị Hà;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Cúc Phan Thị Hải Thanh

Nguyễn Thị Thức